

Số: 04/2022/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2021/TLST-DS “Tranh chấp chia thừa kế” ngày 11 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1978; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, T, T, Hà Nội; Nơi đăng ký tạm trú hiện nay: phòng X, tập thể bệnh viện X, tổ X, phường M, quận C, thành phố H. SĐT: 097557XXXX/097982XXXX.

1.2. Bị đơn: Bà Lưu Thị L, sinh năm 1959; chứng minh nhân dân số: 03715900XXXX do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21.8.2015; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Số nhà X ngõ X phố V, phường K, quận T, thành phố H.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1.3.1. Bà Đinh Thị Minh P, sinh năm 1984; căn cước công dân số 03418400XXXX do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

cấp ngày 20.6.2016.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Số nhà X ngõ X phố V, phường K, quận T, thành phố H.

1.3.2. Ông Đinh Tiến Đ2, sinh năm 1986; căn cước công dân số 001086033837 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31.7.2020.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Số nhà X ngõ X phố V, phường K, quận T, thành phố H.

1.3.3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1989; căn cước công dân số 03018901XXXX do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19.4.2021.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Số nhà X ngõ X phố V, phường K, quận T, thành phố H.

1.3.4. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1960; Giấy chứng minh nhân dân số 09522XXXX do Công an tỉnh B cấp ngày 20.6.2012; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã C, huyện N, tỉnh B.

1.3.5. Bà Trương Thị V; sinh năm 1974; căn cước công dân số 03417400XXXX do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 26.7.2016; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T, thành phố T, tỉnh T.

1.3.6. Bà Đinh Thị H1; sinh năm 1955; căn cước công dân số 03415500XXXX do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11.9.2020; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh T.

1.3.7. Bà Nguyễn Thị Thu H; sinh năm 1973; căn cước công dân số 02417300XXXX do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 02.7.2018; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số X, tổ X, phường Y, quận C, thành phố H.

1.3.8. Chị Đinh Khánh L; sinh năm 1999; chứng minh nhân dân số 00119900XXXX do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24.3.2015; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số X ngách X L, phường N,

quận T, thành phố H.

1.3.9. Bà **Đoàn Thị Minh H**; sinh năm 1965; chứng minh nhân dân số 00116500XXXX do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01.11.2012; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số X ngách X L, phường N, quận T, thành phố H.

1.3.10. Chị **Đinh Thị Hồng N**; sinh năm 1995; căn cước công dân số 00119202XXXX do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27.7.2020; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số X ngách X L, phường N, quận T, thành phố H.

1.3.11. Chị **Đinh Tuệ L**; sinh năm 2012

1.3.12. Ông **Đinh Thọ P**; sinh năm 1967; căn cước công dân số 03406701XXXX do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24.7.2021; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TK Đ, thị trấn P, huyện P, thành phố H.

1.3.13. Ông **Đinh Thọ A**; sinh năm 1969; căn cước công dân số 03406900XXX do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21.9.2018; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Đ, huyện H, tỉnh T.

1.3.14. Bà **Đinh Thị H2**; sinh năm 1971; căn cước công dân số 03417100XXXX do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01.9.2021; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Diện và hàng thừa kế của Ông Đinh Tiến Đ1:

Ông Đinh Tiến Đ1 (chết tháng 12 năm 2003) có 3 vợ. Vợ cả là bà Phạm Thị N, có 1 con chung là Đinh Thị N. Vợ hai là bà Lưu Thị L, có 02 con là Đinh Thị Minh P và Đinh Tiến Đ2. Vợ ba là: Trương Thị V, không có con chung.

Ông Đinh Tiến Đ1 có bố là cụ Đinh Thọ T (chết năm 2010); mẹ là cụ Đinh Thị T (chết năm 2004). Cụ Đinh Thọ T và cụ Đinh Thị T có 7 người con gồm:

1. Bà Đinh Thị H1.

2. Ông Đinh Tiến Đ1 (chết năm 2003).

3. Ông Đinh Thọ C (chết năm 2016); vợ là Nguyễn Thị H, 01 con là: Đinh Khánh L, sinh năm 2012.

4. Ông Đinh Thọ M (chết năm 2005); vợ là Đoàn Thị Minh H (097903XXXX); 02 con là Đinh Thị Hồng N và Đinh Tuệ L.

5. Ông Đinh Thọ P.

6. Ông Đinh Thọ A.

7. Bà Đinh Thị H2.

Ngoài ra, các cụ không còn người con chung, con riêng nào khác.

2.2. Di sản của ông Đinh Tiến Đ1: $\frac{1}{2}$ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5G-III-48a-48b, địa chỉ: số X, phố V, phường K, quận T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 425680; Sổ vào sổ cấp GCN: CH01164 do UBND quận T, thành phố H cấp ngày 09.4.2013 cho bà Lưu Thị L (chồng là Đinh Tiến Đ đã chết) có giá trị 2.439.500.000 đồng. $\frac{1}{2}$ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5G-III-48a-48b, địa chỉ: số X, phố V, phường K, quận T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 425680; Sổ vào sổ cấp GCN: CH01164 do UBND quận T, thành phố H cấp ngày 09.4.2013 cho bà Lưu Thị L (chồng là Đinh Tiến Đ1 đã chết) còn lại thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lưu Thị L có giá trị 2.439.500.000 đồng.

2.3. Ông Đinh Tiến Đ1 chết không để lại di chúc.

2.4. Toàn bộ các thừa kế của ông Đinh Tiến Đ gồm có: chị Đinh Thị Minh P, anh Đinh Tiến Đ2, bà Trương Thị V, chị Đinh Thị N, bà Đinh Thị H1, bà Nguyễn Thị H, chị Đinh Khánh L, bà Đoàn Thị Minh H, chị Đinh Thị Hồng N, chị Đinh Tuệ L, ông Đinh Thọ P, ông Đinh Thọ A, bà Đinh Thị H2 đồng ý tặng cho bà Lưu Thị L toàn bộ kỹ phần thừa kế của mình. Giao bà Lưu Thị L được quyền sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của ông Đinh Tiến Đ1 là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5G-III-48a-48b, địa chỉ: số X, phố V, phường K, quận T, thành phố H, có giá trị 2.439.500.000 đồng.

Như vậy, bà Lưu Thị L được giao sử dụng là toàn bộ quyền sử dụng đất và

tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5G-III-48a-48b, địa chỉ: số X, phố V, phường K, quận T, thành phố H; diện tích 69,7m² có giá trị 4.879.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 425680; Số vào sổ cấp GCN: CH01164 do UBND quận T, thành phố H cấp ngày 09.4.2013 và được sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên đất là nhà 3 tầng 1 tum bê tông.

2.5. Các bên không phải thanh toán giá trị chênh lệch cho nhau. Bà Lưu Thị L có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

2.6. Về án phí:

Miễn án phí cho bà Lưu Thị L do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Hoàn trả bà Đinh Thị N số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0006956 ngày 11.10.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phương Thảo